

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09-12-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Anh.

Ông Võ Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hoài là Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 432/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Phú H, sinh ngày 10-12-1987. Cư trú số 207, tổ 04, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Châu Lê Ái Tr, sinh ngày 03-6-1987. Cư trú ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Phan Thị Hồng Nh, sinh năm 1992. Cư trú số 678, tổ 27, ấp C, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

3.2. Ông Phan Văn T, sinh năm 1966.

3.3. Bà Huỳnh Thị Ng, sinh năm 1965.

Cùng cư trú số 207, tổ 04, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

3.4. Ngân hàng Z.

Địa chỉ phòng giao dịch: thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 26-8-2020 và các bản tự khai, anh Phan Phú H trình bày:

Năm 2012, anh H và chị Tr được cha mẹ tổ chức lễ cưới, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày đăng ký 17-4-2012.

Quá trình chung sống, anh H và chị Tr có 02 đứa con chung và có một số tài sản. Đến tháng 10-2019, chị Tr tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị Tr sinh sống, không chịu về sống chung với anh H. Được gia đình hai bên hàn gắn nhưng chị Tr có ý kiến sống chung với anh H sẽ không có tương lai. Từ đó, hai người ly thân đến nay. Anh H yêu cầu ly hôn với chị Tr.

Về quan hệ con chung: Anh H và chị Tr có 02 đứa con chung tên: Phan Ngọc Minh Anh, sinh ngày 21-7-2013 theo giấy khai sinh đăng ký ngày 03-8-2013, Phan Ngọc Nhã Phương, sinh ngày 08-9-2015 theo giấy khai sinh đăng ký ngày 22-9-2015, cả hai con đang sống cùng với anh H. Khi ly hôn, anh H yêu cầu nuôi 02 đứa con, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản: Trong thời gian sống chung, anh H và chị Tr có các tài sản sau đây:

1. Vàng cưới 02 lượng, trong đó 01 lượng vàng 24k, 01 lượng vàng 18k;
2. Chiếc xe máy hiệu Vario biển số 67D1-737.39 do chị Phan Thị Hồng Nh đứng tên giấy tờ đăng ký mô tô, xe máy;
3. Từ tháng 01/2013 đến tháng 02/2019, hàng tháng anh H đưa số tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng cho chị Tr giữ, tổng cộng số tiền tiết kiệm 144.000.000 đồng.
4. Đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc xã H, huyện P, tỉnh An Giang bao gồm: Quyền sử dụng diện tích 600 mét vuông đất ở nông thôn theo giấy chứng nhận số CH03519, thửa đất số 50, tờ bản đồ số 23 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 05-4-2017, Quyền sử dụng diện tích 347,9 mét vuông đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận số CH03518, thửa đất số 48, tờ bản đồ số 23 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 05-4-2017 cho anh H và chị Tr đứng tên.

Anh H yêu cầu Tòa án chia đôi số tài sản trên.

Về quan hệ nợ chung: Anh H và chị Tr có vay của Ngân hàng Z – Chi nhánh huyện Phú Tân, với số tiền 50.000.000 đồng. Anh H yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm nợ chung của vợ chồng.

Theo các bản tự khai ngày 11-01-2021, 08-4-2021, 09-7-2021, chị Châu Lê Ái Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr thống nhất ly hôn với anh H.

Về quan hệ con chung: Lời khai ban đầu, chị Tr thống nhất việc anh H trực tiếp nuôi dưỡng 02 đứa con Phan Ngọc Minh Anh, sinh ngày 21-7-2013 và Phan Ngọc Nhã Phương, sinh ngày 08-9-2015 với điều kiện “anh H phải đưa 02 con về thăm chị Tr và ông bà ngoại vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày thứ bảy đến 18 giờ 00 phút ngày chủ nhật hàng tuần cho đến khi con đủ 18 tuổi và tạo điều kiện cho chị Tr và bên ngoại thăm 02 đứa con bất kỳ lúc nào cũng như dịp lễ, tết, không ai ngăn cản. Trường hợp anh H kết hôn với người khác thì phải giao con lại cho chị Tr chăm sóc, dưỡng nuôi”. Sau đó, chị Tr lại có yêu cầu Tòa án giải quyết, thực thi nguyện vọng của con, chị Tr yêu cầu nuôi dưỡng 01 đứa con, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản: Chị Tr không đồng ý chia theo yêu cầu của anh H với các lý do:

10 chỉ vàng 24k, trị giá 51.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 18k, trị giá 38.000.000 đồng đã không còn tồn tại khi sống chung, được dùng vào việc tiêu xài cho gia đình trong 07 năm chung sống, trong đó hỗ trợ mua tủ lạnh 9.000.000 đồng, mua tivi 10.000.000 đồng, một phần chơi hụi và đã hốt 25.000.000 đồng để trả nợ cho chị Phan Thị Kim Liên do anh H gây ra, các chi phí ăn uống, quần áo, mỹ phẩm, thuốc men, nhu yếu phẩm cho vợ chồng và 02 đứa con, anh H đều biết và đồng thuận khi sống chung.

Quyền sử dụng diện tích 600 mét vuông đất ở, trị giá 150.000.000 đồng và quyền sử dụng diện tích 347,9 mét vuông đất trồng cây lâu năm, trị giá 14.580.000 đồng, các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh H giữ. Ban đầu chị Tr có lời khai không đồng ý phân chia mà chuyển nhượng lại cho 02 con khi đủ 18 tuổi. Sau đó, chị Tr thay đổi lời khai và có yêu cầu Tòa án chia tài sản theo quy định của pháp luật khi ly hôn.

Đối với chiếc xe máy Vario trị giá 50.000.000 đồng thì chị Tr không đồng ý đưa vào tài sản chung để chia do đây là tài sản riêng của cá nhân chị Tr có được từ nguồn tiền của cha mẹ ruột cho chị Tr.

Về số tiền tiết kiệm 144.000.000 đồng, chị Tr xác định là anh H kê khống, không có tồn tại số tiền nên chị Tr không đồng ý có trách nhiệm trong số tiền này.

Về quan hệ nợ: Chị Tr không đồng ý chi trả do khi vay tiền của Ngân hàng Z – chi nhánh huyện Phú Tân thì chị Tr không hề hay biết và cũng không biết anh H chi tiêu vào việc cá nhân gì, đồng thời chị Tr không có chữ ký và cam kết đồng trách nhiệm chi trả trong thủ tục vay tiền.

Tiếp theo, chị Tr yêu cầu anh H khi ly hôn thì phải bồi thường tổn thất cho bản thân chị Tr trong 07 năm sống chung, cụ thể:

Chị Tr yêu cầu anh H:

1. Bồi thường số tiền 420.000.000 đồng về tổn thất sức khỏe, tinh thần và thể xác trong quá trình sống chung, phục vụ công việc nhà cho gia đình anh H, nhu cầu sinh lý cho anh H trong 07 năm.

2. Chi trả cho chị Tr số tiền 100.000.000 đồng về tổn thất sức khỏe khi mang thai, sinh và nuôi 02 đứa con cho anh H trong 07 năm.

Theo bản tự khai ngày 15-3-2021, ông Phan Văn T, bà Huỳnh Thị Ng cùng trình bày:

Phan Phú H là con ruột và Châu Lê Ái Tr là con dâu của ông T, bà Ng. Vào ngày 06-7-2019, H và Tr có hỏi mượn sổ hộ khẩu để vay tiền ngân hàng về kinh doanh. Việc nhận tiền vay và trả nợ đều do vợ chồng H, Tr thực hiện. Ông T, bà Ng không biết cho đến ngày hôm nay. Ông T, bà Ng có ký tên vào hồ sơ vay của ngân hàng nhưng việc vợ chồng H, Tr nhận tiền của ngân hàng thì tự trả cho ngân hàng. Ông T, bà Ng không đồng ý trả nợ cho ngân hàng chính sách huyện.

Theo bản tự khai ngày 06-01-2021, chị Phan Thị Hồng Nh trình bày:

Chị Nh có đứng tên chiếc xe Vario, biển số 67D1-73739 cho anh H và chị Tr. Chiếc xe Vario và giấy tờ xe đều do chị Tr quản lý, sử dụng. Chị Nh có ý kiến không còn liên quan và yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt đối với Chị Nh.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của anh H: Giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Tr, yêu cầu nuôi 02 đứa con là Phan Ngọc Minh Anh và Phan Ngọc Nhả Phương, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng cho con. Anh H rút lại toàn bộ yêu cầu về chia tài sản, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H không chấp nhận việc đưa rước con về nhà chị Tr theo ý kiến của chị Tr. Tuy nhiên, chị Tr có thăm con thì anh H tạo điều kiện cho chăm sóc, thăm con tại nhà anh H. Ngoài ra, anh H có ý kiến việc anh H chăm sóc, nuôi dạy con tốt, cho con đi học tại trường gần nhà, có điều kiện nuôi con.

Về quan hệ nợ chung: Anh H đã trả lại tiền vay 50.000.000 đồng cho Ngân hàng Z và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H không chấp nhận yêu cầu của chị Tr về việc bồi thường các khoản tổn thất sức khỏe, tinh thần trong thời gian chị Tr sống chung với anh H do các yêu cầu của chị Tr đều không hợp lý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Nh, ông T, bà Ng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Tr, đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Z đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Qua đó, đã không chấp hành nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Anh H yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi 02 đứa con có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị Tr, giao 02 con cho anh H trực tiếp chăm sóc, dưỡng nuôi, anh H không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không xem xét.

Về yêu cầu chia tài sản chung, anh H tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử. Về nợ chung thì anh H không yêu cầu giải quyết.

Đối với việc chị Tr có ý kiến, yêu cầu anh H bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần trong thời gian sống chung nhưng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Đó là nghĩa vụ, tình nghĩa vợ chồng. Chị Tr không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc trong thời gian vợ chồng chung sống, anh H đã gây ra cho chị Tr những thiệt hại, tổn thất về sức khỏe, tinh thần nên yêu cầu của chị Tr là không có cơ sở xem xét.

Anh H phải chịu chi phí tố tụng và án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Anh H có đơn khởi kiện đối với chị Tr về yêu cầu ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Chị Tr có địa chỉ cư trú, đang sinh sống tại ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Chị Nh, ông T, bà Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Chị Tr, đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Z đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H rút lại yêu cầu giải quyết về tài sản, tự thỏa thuận. Theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự,

Tòa án chấp nhận việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của anh H và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản.

[4] Chị Tr yêu cầu đối với anh H về *“bồi thường số tiền 420.000.000 đồng về tổn thất sức khỏe, tinh thần và thể xác trong quá trình sống chung, phục vụ công việc nhà cho gia đình anh H, nhu cầu sinh lý cho anh H trong 07 năm; Chi trả cho chị Tr số tiền 100.000.000 đồng về tổn thất sức khỏe khi mang thai, sinh và nuôi 02 đứa con cho anh H trong 07 năm”*. Tòa án xác định các lý do của chị Tr đưa ra bao gồm phục vụ công việc nhà, nhu cầu sinh lý, mang thai, sinh và nuôi con để yêu cầu anh H bồi thường sức khỏe, tinh thần là không phù hợp, do chị Tr và anh H xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện chung sống một nhà. Hơn nữa, việc đó là quyền, nghĩa vụ nhân thân, mục đích, nhu cầu cần thiết của vợ chồng khi sống chung, không phải là căn cứ làm phát sinh trách nhiệm dân sự do hành vi vi phạm pháp luật của anh H gây ra. Do đó, Tòa án xem xét yêu cầu của chị Tr không phải là yêu cầu phản tố do không có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm và xem đây chỉ là ý kiến của chị Tr cùng với vụ việc yêu cầu ly hôn của anh H theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Anh H và chị Tr xác lập quan hệ hôn nhân đều tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã H cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 17-4-2012 nên hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, anh H cho rằng vợ chồng chung sống với nhau có mâu thuẫn do chị Tr tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị Tr sinh sống tại ấp Bình Trung 2, xã Bình Thạnh Đông. Bên cạnh đó, chị Tr không có ý định hàn gắn, thống nhất vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Theo đó, Tòa án tiến hành hòa giải theo yêu cầu ly hôn của anh H nhưng chị Tr đều vắng mặt không có lý do, không có ý định tiếp tục sống chung với anh H được thể hiện tại văn bản ý kiến thống nhất ly hôn với anh H nên anh H không cần phải chứng minh gì khác về vấn đề mâu thuẫn của vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị Tr đã thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không còn tình nghĩa vợ chồng với nhau là vi phạm về quyền, nghĩa vụ nhân thân của vợ chồng theo quy định Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H với chị Tr.

[6] Về ý kiến, yêu cầu nuôi con.

Anh H có yêu cầu nuôi 02 con, còn chị Tr có yêu cầu nuôi 01 đứa con. Tuy nhiên, theo nguyện vọng của con Phan Ngọc Minh Anh mong muốn sống cùng với anh H tại biên bản ghi nhận nguyện vọng của con vào ngày 06-01-2021 nên chị Tr phải tôn trọng ý kiến, quyền của con được sống chung với anh H. Mặt khác, cả hai con đều được anh H nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, có điều kiện sinh hoạt, môi trường sống ổn định trong khoảng thời gian dài ở chung với anh H. Điều này, chị Tr cũng không có ý kiến phản đối. Theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014. Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh H, giao con Phan Ngọc Minh Anh và Phan Ngọc Nhã Phương cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, anh H không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, việc nuôi con là trách nhiệm của cha, mẹ đối với con chứ không phải là quyền lợi nên anh H phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị Tr thực hiện quyền, nghĩa vụ chăm sóc, dưỡng nuôi con mà không ai được cản trở.

[7] Anh H có ý kiến đã thanh toán xong tiền nợ vay, yêu cầu Tòa án không xem xét, giải quyết về nợ chung đối với Ngân hàng Z. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về tiền vay thì Ngân hàng Z khởi kiện trong vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí tố tụng: Anh H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo quy định Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trả lại cho anh H tiền tạm ứng án về yêu cầu chia tài sản do đã rút yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, khoản 165, Điều 218, Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Phú H đối với bị đơn chị Châu Lê Ái Tr.

1. Anh Phan Phú H được ly hôn với chị Châu Lê Ái Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày đăng ký 17-4-2012 do Ủy ban nhân dân xã H cấp cho anh H và chị Tr không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Giao con Phan Ngọc Minh Anh, sinh ngày 21-7-2013 và Phan Ngọc Nhã Phương, sinh ngày 08-9-2015 cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Chị Tr không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Phú H về chia tài sản.

4. Về quan hệ nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về chi phí tố tụng: Anh H phải chịu và đã nộp xong chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 1.900.000 đồng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.760.000 đồng theo biên lai số TU/2019/0001645 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 10.460.000 đồng.

Anh H có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án.

Chị Tr, Chị Nh, ông T, bà Ng và Ngân hàng Z vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân